

Số: 21

Ngày 27/5/2024

Bản tin hàng tuần  
ra ngày thứ Hai

# VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 21 xin giới thiệu các nội dung đáng chú ý sau:

➤ Nghị định 52/2024/NĐ-CP nghiêm cấm các hành vi tiết lộ, cung cấp thông tin về số dư trên tài khoản thanh toán, số dư thẻ ngân hàng, số dư ví điện tử và các giao dịch thanh toán của khách hàng tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không đúng theo quy định của pháp luật.

➤ Nghị định 55/2024/NĐ-CP quy định: Định kỳ 06 tháng một lần, tổ chức quản lý chợ, trung tâm thương mại thông báo, phối hợp với các cơ quan chức năng về thương mại, quản lý thị trường, an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng trong việc kiểm soát chất lượng, số lượng, nguồn gốc, an toàn thực phẩm đối với hàng hóa, dịch vụ trong phạm vi chợ, trung tâm thương mại do mình quản lý.

➤ Theo Chỉ thị 16/CT-TTg, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực được giao, nhất là thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, nhà ở xã hội, tín dụng, tài nguyên khoáng sản.

➤ Bản tin tuần này xin giới thiệu đến các đơn vị 02 văn bản trên bàn soạn thảo: Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú và dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

Trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

# VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

## 1. NGHIÊM CẤM CÁC TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN ĐỂ LỘ THÔNG TIN VỀ SỐ DƯ TÀI KHOẢN CỦA KHÁCH HÀNG

Ngày 15/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 52/2024/NĐ-CP quy định về thanh toán không dùng tiền mặt. Nghị định này quy định về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, bao gồm: mở và sử dụng tài khoản thanh toán; dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; dịch vụ trung gian thanh toán; tổ chức, quản lý và giám sát các hệ thống thanh toán.

Theo đó, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt bao gồm: Dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán của khách hàng và dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

Các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt bao gồm: Mở và sử dụng tài khoản thanh toán; Dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Dịch vụ trung gian thanh toán; Tổ chức, quản lý và giám sát các hệ thống thanh toán.

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm quản lý Nhà nước về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt như sau: Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt; quy định về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt; tổ chức, quản lý, vận hành, giám sát hệ thống thanh toán quốc gia; tham gia tổ chức, giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng khác; giám sát hoạt

động cung ứng dịch vụ thanh toán và dịch vụ trung gian thanh toán; chấp thuận việc tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài; cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; chấp thuận và thu hồi văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích; kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm pháp luật hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt của các tổ chức, cá nhân...

Nghị định này nghiêm cấm các hành vi sau: Sửa chữa, tẩy xóa phương tiện thanh toán, chứng từ thanh toán không đúng quy định pháp luật; làm giả phương tiện thanh toán, chứng từ thanh toán; lưu giữ, lưu hành, chuyển nhượng, sử dụng phương tiện thanh toán giả; xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập, đánh cắp dữ liệu, phá hoại, làm thay đổi trái phép chương trình phần mềm, dữ liệu điện tử sử dụng trong thanh toán; lợi dụng lỗi hệ thống mạng máy tính để trục lợi; cung cấp không trung thực thông tin có liên quan đến việc cung ứng hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán; tiết lộ, cung cấp thông tin về số dư trên tài khoản thanh toán, số dư thẻ ngân hàng, số dư ví điện tử và các giao dịch thanh toán của khách hàng tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ

trung gian thanh toán không đúng theo quy định của pháp luật có liên quan; hoặc duy trì tài khoản thanh toán, ví điện tử nặc danh, mạo danh; mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn tài khoản thanh toán, ví điện tử; thuê, cho thuê, mua, bán, mở hộ thẻ ngân hàng; lấy cắp, thông đồng để lấy cắp, mua, bán thông tin tài khoản thanh toán, thông tin thẻ ngân hàng, thông tin ví điện tử; phát hành, cung ứng và sử dụng các phương tiện thanh toán không hợp pháp.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2024.

## **2. QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA CƠ BẢN TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Ngày 16/5/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước phải đáp ứng các yêu cầu sau: Các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước được thực hiện theo đề án, dự án và phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định, nghiệm thu và phê duyệt kết quả thực hiện theo quy định; căn cứ mục tiêu phạm vi, quy mô của đề án, dự án và đặc điểm cụ thể của từng vùng điều tra, cơ quan phê duyệt đề án, dự án quyết định các nội dung công việc, khối lượng, sản phẩm cụ thể của từng đề án, dự án trên nguyên tắc bảo đảm tính kế thừa và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả kinh phí đề án, dự án. Nội dung, định mức, đơn giá điều tra cơ bản tài nguyên nước được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và đáp ứng

được các mục tiêu của đề án, dự án; thông tin dữ liệu, kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước phải được rà soát, cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định.

Hoạt động điều tra, đánh giá tài nguyên nước bao gồm các hoạt động sau đây: Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt được thực hiện trên sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ, ao, đầm, phá tự nhiên và nhân tạo gồm một hoặc một số hoạt động sau đây: Điều tra, đánh giá đặc trưng hình thái sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ, ao, đầm, phá; điều tra, đánh giá số lượng, chất lượng nước mặt; điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước mặt; điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước mặt; điều tra, xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối; điều tra, phân vùng chức năng nguồn nước mặt.

Điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất gồm một hoặc một số hoạt động sau đây: Điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng nước dưới đất theo các tỷ lệ; điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất; điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước dưới đất; điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; điều tra, xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; điều tra, đánh giá phục vụ lập bản đồ phân vùng nguy cơ hạn hán, thiếu nước...

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024.

## **3. QUY ĐỊNH VỀ HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Ngày 16/05/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 54/2024/NĐ-CP quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Trước khi xây dựng công trình khai thác nước dưới đất hoặc điều chỉnh tầng lưu lượng khai thác của công trình vượt quá 25% lưu lượng quy định trong giấy phép khai thác nước dưới đất đã cấp mà có khoan bổ sung giếng khai thác, chủ đầu tư phải thực hiện thăm dò để đánh giá trữ lượng, chất lượng, khả năng khai thác và phải có giấy phép thăm dò nước dưới đất, trừ các trường hợp khai thác nước dưới đất không phải cấp phép.

Các trường hợp không phải kê khai, cấp phép khai thác tài nguyên nước và đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước như sau: Khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (bao gồm cả khai thác để sử dụng nước cho mục đích làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt), thi công xây dựng công trình có quy mô không vượt quá 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm; hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ nhỏ hơn 0,01 triệu m<sup>3</sup>; công trình khai thác nước mặt khác cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô không vượt quá 0,1 m<sup>3</sup>/giây; khai thác nước mặt cho mục đích sinh hoạt có quy mô không vượt quá 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm; khai thác nước mặt cho mục đích sinh hoạt có quy mô không vượt quá 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với khu vực biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có

điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...

Các trường hợp công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải đăng ký, bao gồm: Khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô lớn hơn 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến 100.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m<sup>3</sup> đến 0,2 triệu m<sup>3</sup>; công trình khai thác nước mặt khác cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác lớn hơn 0,1 m<sup>3</sup>/giây đến 0,5 m<sup>3</sup>/giây...

Nghị định có hiệu lực từ 01/7/2024.

#### **4. ĐỊNH KỲ 6 THÁNG MỘT LẦN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHỢ PHẢI KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN TOÀN THỰC PHẨM HÀNG HÓA**

Ngày 16/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 55/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Cụ thể như sau, nền tảng số lớn quy định tại khoản 4 Điều 39 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử được thiết lập, vận hành để phục vụ hoạt động kinh doanh trên không gian mạng và đáp ứng một trong các tiêu chí sau: Có từ 3.000.000 tài khoản người sử dụng hoạt động hằng năm tại Việt Nam trở lên theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm tự xác định số lượng tài khoản người sử dụng hoạt động trên nền tảng số do mình thiết lập, vận hành; là nền tảng số trung gian quy

mô lớn, rất lớn phục vụ giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Định kỳ 06 tháng một lần, tổ chức quản lý chợ, trung tâm thương mại thông báo, phối hợp với các cơ quan chức năng về thương mại, quản lý thị trường, an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng trong việc kiểm soát chất lượng, số lượng, nguồn gốc, an toàn thực phẩm đối với hàng hóa, dịch vụ trong phạm vi chợ, trung tâm thương mại do mình quản lý.

Nghị định cũng quy định rõ trách nhiệm của tổ chức quản lý chợ, trung tâm thương mại là: Thiết lập, niêm yết công khai đường dây nóng để tiếp nhận, giải quyết yêu cầu của người tiêu dùng phù hợp với cấp độ chợ, trung tâm thương mại đã được phân loại theo quy định của pháp luật; Thường xuyên giám sát chất lượng, số lượng của hàng hóa, cân đối chứng, thiết bị đo lường trong khu vực chợ, trung tâm thương mại; Đặt và duy trì hoạt động của cân đối chứng, thiết bị đo lường tại các chợ, trung tâm thương mại để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa. Cân đối chứng, thiết bị đo lường phải được kiểm định và còn trong thời hạn kiểm định theo quy định của pháp luật về đo lường...

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

## **6. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Ngày 15/6/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 425/QĐ-TTg về việc Phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông

Cụ thể, trong lĩnh vực bưu chính: Bãi bỏ toàn bộ các thủ tục hành chính nội bộ về ban hành chương trình đề tài tem bưu chính để tạo thuận lợi, cắt giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho cá nhân.

Trong lĩnh vực viễn thông và internet, xây dựng hệ thống thông tin quản lý đối tượng được hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích để tin học hóa quy trình nghiệp vụ, nhằm giảm thời gian thực hiện rà soát, đối chiếu, rà soát đơn vị nhận hỗ trợ có thuộc danh sách các đơn vị đã được nhận hỗ trợ từ chương trình thông qua các phần mềm làm tăng tính công khai, minh bạch, tăng hiệu suất xử lý, giảm chi phí nhân công thực hiện.

Xây dựng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình rà soát và lập danh sách hộ gia đình đăng ký nhận hỗ trợ điện thoại thông minh; bổ sung mẫu công văn đề nghị cung cấp dịch vụ điện thoại 080.

Về lĩnh vực chuyển đổi số, bổ sung mẫu đơn nội dung yêu cầu kết nối, sử dụng dữ liệu theo hình thức mặc định; bổ sung mẫu đơn, mẫu phiếu đề nghị hỗ trợ giải quyết vướng mắc về kết nối chia sẻ dữ liệu.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/6/2024.

## **7. ĐẨY MẠNH CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CÁC BỘ, NGÀNH PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP**

Ngày 20/5/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 16/CT-TTg về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực được giao, nhất là thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, nhà ở xã hội, tín dụng, tài nguyên khoáng sản... và các giấy phép liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024 gửi Văn phòng Chính phủ chậm nhất trong tháng 5 năm 2024 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức thực hiện phương án ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tập trung triển khai cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên

quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Phương án cắt giảm, đơn giản hóa sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm cắt giảm yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp không hợp lý trong thực hiện thủ tục hành chính, bảo đảm tiến độ, thực chất, hiệu quả.

Bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện chuyển đổi sang sử dụng VNeID là tài khoản duy nhất trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử từ ngày 01/7/2024 theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP.

Tổ chức thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; tăng cường đối thoại, giải quyết dứt điểm những vướng mắc, khó khăn về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác giải quyết thủ tục hành chính.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/5/2024.

## **VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

## **8. CÁC MẪU HỒ SƠ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU**

Ngày 26/4/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư 07/2024/TT-BKHĐT quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đầu thầu.

Cụ thể, mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng đối với quy trình chỉ định thầu thông thường bao gồm: Mẫu số 1A sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu xây lắp; Mẫu số 1B sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu mua sắm hàng hóa; Mẫu số 1C sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn; Mẫu số 1D sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu dịch vụ tư vấn.

Mẫu báo cáo đánh giá bao gồm: Mẫu số 2A sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ; Mẫu số 2B sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ; Mẫu số 2C sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng.

Mẫu báo cáo thẩm định được sử dụng cho đấu thầu qua mạng và đấu thầu không qua mạng bao gồm: Mẫu số 3A sử dụng để lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu; Mẫu số 3B sử dụng để lập báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cho gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, gói thầu áp dụng hình thức chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường; Mẫu số 3C sử dụng để lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/6/2024.

## **9. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DỮ LIỆU QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030 CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Ngày 17/5/2024, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định số 813/QĐ-BTTTT Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động của Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện

Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030

Kế hoạch này yêu cầu các đơn vị xác định đầy đủ, cụ thể các nhiệm vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông cần triển khai thực hiện theo Quyết định số 142/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được xác định có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình thực hiện và bảo đảm tính khả thi; triển khai năm 2024 và các năm tiếp theo.

Nhiệm vụ cụ thể, 100% các Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu vùng, khu vực, Trung tâm cấp quốc gia về lưu trữ dữ liệu lớn và tính toán hiệu năng cao trên cả nước được bảo đảm kết nối thành công, tạo thành một mạng lưới chia sẻ năng lực tính toán, xử lý dữ liệu lớn phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa của đất nước.

Các nền tảng điện toán đám mây Chính phủ và các Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động Make in Viet Nam đảm bảo sẵn sàng đáp ứng 100% nhu cầu lưu trữ, thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu của Việt Nam.

100% các cơ sở dữ liệu quốc gia trong danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử hoàn thành việc số hóa, cập nhật và đưa vào sử dụng hiệu quả; được kết nối, chia sẻ với kho dữ liệu tổng hợp tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và kết nối, chia sẻ trên phạm vi toàn quốc

Các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành của các bộ, ngành, địa phương (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) có nhu cầu kết nối, khai thác, tích hợp, chia sẻ thông tin với các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin với nhau, được đáp ứng 100% yêu cầu thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu. 100% các cơ quan nhà nước cấp bộ, cấp tỉnh mở và cung cấp dữ liệu mở đảm bảo chất lượng.

100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định. Kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến.

Phát triển thị trường dữ liệu, hoàn thành thí điểm, thử nghiệm 05 sản phẩm dịch vụ dữ liệu tạo môi trường mua bán, trao đổi dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu. 100% các cơ sở dữ liệu quốc gia cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quan trọng của các bộ, ngành, địa phương được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp.

Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch hành động; tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch hành động; đề xuất xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu và bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, giải pháp (nếu cần thiết) trong giai đoạn tiếp theo; chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch hành động. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch hành động, trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nội dung cụ thể của Kế hoạch hành động, Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông chủ động đề xuất, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại Kế hoạch hành động này có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết và tổ chức thực hiện, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ theo yêu cầu.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17/5/2024.

## VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

**1. DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƯ TRÚ**

*Nhằm thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương, đường lối*



của Đảng, Nhà nước về quản lý cư trú; thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến công tác quản lý dân cư; Bộ Công an đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú.

Dự thảo gồm 04 Chương với 19 Điều quy định về nơi cư trú của người sinh sống, người làm nghề lưu động trên tàu, thuyền hoặc phương tiện khác có khả năng di chuyển; nơi cư trú của người không có nơi thường trú, nơi tạm trú; các loại giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp, giấy tờ, tài liệu chứng minh quan hệ nhân thân; hồ sơ, thủ tục xóa đăng ký thường trú; hồ sơ, thủ tục xóa đăng ký tạm trú; xây dựng, quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu về cư trú... Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và công dân Việt Nam trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo dự thảo, người không có nơi thường trú, nơi tạm trú phải khai báo ngay thông tin về cư trú với cơ quan đăng ký cư trú tại nơi ở hiện tại. Trường hợp đã có nơi thường trú nhưng nơi thực tế sinh sống chưa đủ điều kiện để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thì khai báo thông tin về nơi ở hiện tại với cơ quan đăng ký cư trú nơi đang thực tế sinh sống để cập nhật thông tin nơi ở hiện tại vào Cơ sở dữ liệu về cư trú.

Trường hợp qua kiểm tra, rà soát, cơ quan đăng ký cư trú phát hiện người thuộc trường hợp phải khai báo thông tin về cư trú thì có trách nhiệm hướng dẫn và yêu cầu công dân đó thực hiện việc khai báo. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký cư trú yêu cầu công

dân khai báo thông tin về cư trú, công dân phải có trách nhiệm đến cơ quan đăng ký cư trú để thực hiện khai báo.

Việc khai báo thông tin về cư trú được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến qua dịch vụ công, ứng dụng định danh và xác thực điện tử nếu công dân đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hồ sơ khai báo thông tin về cư trú gồm Tờ khai thay đổi thông tin về cư trú và giấy tờ, tài liệu khác (nếu có). Trường hợp, người khai báo thông tin về cư trú không có giấy tờ tùy thân, Cơ quan đăng ký cư trú phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, xác minh thông tin nhân thân của người khai báo. Trường hợp qua kiểm tra, xác minh mà xác định thông tin người khai báo thông tin về cư trú đã khai báo là chưa chính xác thì cơ quan đăng ký cư trú có văn bản từ chối tiếp nhận khai báo thông tin về cư trú và đề nghị người đó khai báo lại để kiểm tra, xác minh theo quy định (trừ trường hợp thông tin người khai báo lại đúng với kết quả đã xác minh trước đó)...

Các giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp để đăng ký tạm trú gồm có: Một trong những giấy tờ đăng ký thường trú của công dân (trừ trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp là văn bản cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ chỗ ở hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì văn bản đó không cần công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã); văn bản cam kết của công dân về việc có chỗ ở thuộc quyền sử dụng của mình và không có tranh chấp về quyền sử

dụng nếu không có một trong các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm a khoản này; giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp chứng minh là chủ sở hữu cơ sở kinh doanh lưu trú hoặc được chủ sở hữu cơ sở kinh doanh lưu trú cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ theo quy định của pháp luật; công dân được đăng ký tạm trú tại chỗ ở hợp pháp không thuộc quyền sở hữu của mình mà không phải xuất trình giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp khi chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp đó đồng ý nếu thuộc trường hợp được quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 20 Luật Cư trú. Trường hợp công dân đề nghị đăng ký vào hộ gia đình tạm trú đã có phải có ý kiến đồng ý của chủ hộ, thời hạn tạm trú bằng thời hạn tạm trú của hộ gia đình.

Toàn văn dự thảo đang được Bộ Công an gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an để lấy ý kiến Nhân dân hoàn thiện dự thảo trước khi trình Chính phủ xem xét, phê duyệt.

## **2. DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến đối với dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông. Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành

thông tin và truyền thông lên hạng II, hạng I.

Viên chức dự xét thăng hạng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; trong danh mục vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập cử dự xét thăng hạng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng quy định pháp luật có vị trí việc làm ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức dự xét thăng hạng; đảm bảo phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng.

Đối tượng xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng I phải đang giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm (đủ 72 tháng). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II hoặc tương đương đã chủ trì hoặc

tham gia biên tập ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ngành hoặc tương đương trở lên hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc chủ trì hoặc tham gia ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp bộ, cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II (hoặc tương đương) được khen thưởng bằng khen cấp bộ, cấp tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

Đối với viên chức xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II, phải đang chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm (đủ 108 tháng, không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III

tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia biên tập ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ngành, cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành từ cấp cơ sở trở lên đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III (hoặc tương đương) được khen thưởng bằng khen cấp bộ, cấp tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

Ngoài ra, dự thảo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình, âm thanh viên, kỹ thuật dựng phim, phát thanh viên, quay phim, an toàn thông tin, công nghệ thông tin.

## GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

**1. Hỏi:** Mức hỗ trợ của người làm công tác pháp chế ở bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là bao nhiêu?

**Trả lời:** Theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 18/5/2024 quy định căn cứ vào vị trí việc làm về nghiệp vụ chuyên môn pháp chế trong cơ quan, tổ chức hành chính, người làm công tác pháp chế ở bộ,

cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được hưởng mức hỗ trợ là 60.000 đồng/ngày làm việc, ở các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được hưởng mức hỗ trợ là 40.000 đồng/ngày làm việc. Chế độ hỗ trợ này được áp dụng cho đến khi thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải

cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập vận dụng chế độ hỗ trợ nêu trên để quyết định các chế độ đối với người làm công tác pháp chế.

**2. Hỏi:** *Tiêu chuẩn bổ nhiệm vào ngạch pháp chế viên?*

**Trả lời:** Theo điểm b khoản 12 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 18/5/2024 quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm vào ngạch pháp chế viên như sau:

- Là công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan;

- Có trình độ cử nhân luật trở lên; có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế và chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Có ít nhất 02 (hai) năm được tính cộng dồn thực hiện một trong các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Chương II của Nghị định này, không kể thời gian tập sự.

**3. Hỏi:** *Tiêu chuẩn bổ nhiệm ngạch pháp chế viên chính?*

**Trả lời:** Theo điểm b khoản 12 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 18/5/2024 quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm vào ngạch pháp chế viên như sau:

- Là công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất đạo

đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan;

- Có trình độ cử nhân luật trở lên;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế và chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Thời gian giữ ngạch pháp chế viên hoặc tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm;

- Trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch hoặc được xét nâng ngạch từ pháp chế viên lên pháp chế viên chính hoặc được xét chuyển ngạch theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

**4. Hỏi:** *Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở cơ quan thuộc Chính phủ?*

**Trả lời:** Theo khoản 4 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 18/5/2024 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở cơ quan thuộc Chính phủ như sau:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ: Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc góp ý dự thảo nội quy, quy chế của cơ quan thuộc Chính phủ và các văn bản khác theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; tham gia ý kiến đối với các đề nghị, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được gửi xin ý kiến theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung văn

bản quy phạm pháp luật liên quan đến cơ quan thuộc Chính phủ.

- Có ý kiến về mặt pháp lý đối với các văn bản, hợp đồng do các đơn vị khác chuẩn bị theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ.

- Phối hợp với tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực hoạt động của cơ quan thuộc Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện công tác theo dõi tình hình

thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức pháp chế Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế đối với tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế ở các đơn vị trực thuộc.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ giao hoặc theo quy định của pháp luật./.